

Số: /KH-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH
Phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Kế hoạch thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả các nội dung về phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Quyết định số 392/QĐ-BTTTT.

- Thu thập, cập nhật thông tin, hình thành cơ sở dữ liệu (CSDL) địa chỉ số của tỉnh, tích hợp với CSDL địa chỉ số quốc gia để chia sẻ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khai thác, xây dựng các bản đồ số chuyên ngành phục vụ nhu cầu quản lý và phát triển kinh tế - xã hội.

2. Yêu cầu

- Triển khai quyết liệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số kèm theo Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông; các doanh nghiệp phát triển nền tảng địa chỉ số và các doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số.

- Triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại địa phương với cấu trúc và các trường thông tin đúng theo quy định tại Quyết định số 392/QĐ-BTTTT nhằm thúc đẩy phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- Thực hiện tốt công tác truyền thông, thông tin về Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trên các phương tiện thông tin đại chúng: báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin cơ sở, nền tảng số, mạng xã hội.

II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2022

1. 100% đối tượng được phân loại tại mục I, II Phụ lục II của Quyết định số 392/QĐ-BTTTT được thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số;

khuyến khích thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng tại mục III Phụ lục II của Quyết định số 392/QĐ-BTTTT.

2. 100% chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ số được phân loại tại mục I, II Phụ lục II của Quyết định số 392/QĐ-BTTTT được thông báo thông tin Mã địa chỉ số; khuyến khích thông báo cho các đối tượng tại mục III Phụ lục II của Quyết định số 392/QĐ-BTTTT.

3. Có ít nhất một ứng dụng bản đồ số được đưa vào sử dụng.

III. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh

1.1. Thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng tại Phụ lục II của Quyết định số 392/QĐ-BTTTT vào CSDL địa chỉ số của tỉnh. Một địa chỉ số khi thu thập, cập nhật dữ liệu phải đảm bảo tối thiểu có đủ các trường thông tin cơ bản.

1.2. Khuyến khích thu thập, cập nhật các trường thông tin nâng cao để phục vụ công tác thông báo địa chỉ số và phát triển nền tảng, CSDL địa chỉ số đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội.

2. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số

2.1. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số như: Tìm kiếm địa chỉ, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ và các dịch vụ địa chỉ số khác.

2.2. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

2.3. Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực như: bản đồ dịch tễ, bản đồ vùng an toàn dịch bệnh, bản đồ y tế, bản đồ giáo dục, bản đồ du lịch, bản đồ nông sản, bản đồ cột nước cứu hỏa...

2.4. Triển khai các dịch vụ ứng dụng nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số khác.

3. Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số

3.1. Tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ, bao gồm:

- Chủ sở hữu đối tượng/công trình được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình).

- Người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng/công trình được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể).

- Người đang sử dụng/quản lý đối tượng/công trình được gán địa chỉ số.

3.2. Hình thức thông báo: qua chính quyền xã, thôn, khối phố; gặp trực tiếp hoặc gửi qua tin nhắn SMS, email, đường thư.

3.3. Gắn biển địa chỉ số

- Biển địa chỉ số chứa thông tin Mã địa chỉ số được gắn vào đối tượng/công trình được gắn địa chỉ để nhận biết địa chỉ số của đối tượng.

- Phê duyệt mẫu Biển địa chỉ số thống nhất trong toàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Khuyến khích UBND cấp huyện triển khai đồng bộ việc gắn biển địa chỉ số với nguồn kinh phí xã hội hoá hoặc được hỗ trợ từ ngân sách phù hợp quy định pháp luật và điều kiện thực tế.

4. Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn về Nền tảng địa chỉ số quốc gia

4.1. Nội dung thông tin, tuyên truyền: Kế hoạch phát triển nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của Bộ Thông tin và Truyền thông, của tỉnh; giới thiệu chức năng, tính năng chính, lợi ích khi sử dụng, hiệu quả hoạt động của nền tảng địa chỉ số, hướng dẫn sử dụng; các nội dung khác liên quan đến phát triển và sử dụng nền tảng địa chỉ số.

4.2. Phương thức thông tin, tuyên truyền: Xây dựng tài liệu, ấn phẩm truyền thông; thường xuyên thông tin, tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, đài phát thanh, truyền hình và qua mạng Internet nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; xây dựng, tổng hợp và cung cấp thông tin cho báo chí, truyền thông để tuyên truyền, quảng bá Nền tảng địa chỉ số quốc gia; tổ chức các chiến dịch truyền thông, quảng bá Nền tảng địa chỉ số quốc gia; truyền thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở; thông tin, tuyên truyền theo các phương thức khác.

4.3. Triển khai tập huấn, hướng dẫn UBND cấp huyện, cấp xã, doanh nghiệp sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia.

(Chi tiết một số nhiệm vụ năm 2022 tại Phụ lục I kèm theo)

IV. KINH PHÍ

Nguồn kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch này từ nguồn ngân sách tỉnh và nguồn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Khuyến khích nguồn kinh phí xã hội hoá. Ưu tiên lồng ghép kinh phí các nhiệm vụ của kế hoạch này với các đề án, nhiệm vụ thực hiện nội dung về thông tin và truyền thông thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

1. Kinh phí cấp tỉnh: Giao Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng dự toán để thực hiện các nội dung công việc được giao theo kế hoạch này, gửi Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Kinh phí cấp huyện: UBND cấp huyện chủ động bố trí kinh phí địa phương để thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

3. Kinh phí doanh nghiệp: Bưu điện tỉnh Bắc Giang và các doanh nghiệp chủ động bố trí kinh phí và các nguồn lực để thực hiện Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, Bưu điện tỉnh Bắc Giang thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị quán triệt, triển khai các nội dung cơ bản của Kế hoạch này đến các đối tượng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Kế hoạch này từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch; truyền thông, tập huấn, hướng dẫn sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số.

- Chủ trì, phối hợp với Bưu điện tỉnh, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan để thu thập, cập nhật thông tin các đối tượng địa chỉ khác để xây dựng các bản đồ số chuyên ngành khi phát sinh nhu cầu quản lý, khai thác.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, triển khai đưa ứng dụng bản đồ số vào sử dụng phục vụ quản lý các lĩnh vực, các ngành; trong năm 2022, đưa ít nhất một bản đồ số vào sử dụng.

- Định kỳ hằng tháng (trước ngày 25) tổng hợp tiến độ thực hiện các chỉ tiêu cơ bản năm 2022 theo Phụ lục II, Kế hoạch này để báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh cung cấp thông tin dữ liệu liên quan đến bản đồ số, địa chỉ số để phát triển nền tảng bản đồ số, nền tảng địa chỉ số của tỉnh.

3. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành.

4. Các sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh cung cấp thông tin về đối tượng theo Phụ lục II của Quyết định số 392/QĐ-BTTTT.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan, đơn vị liên quan, nghiên cứu ứng dụng nền tảng địa chỉ số trong triển khai công tác quản lý của đơn vị phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

5. Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Chủ động thông tin, tuyên truyền phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh: Lợi ích khi sử dụng, hiệu quả hoạt động của nền tảng địa chỉ số, vinh danh tổ chức, doanh nghiệp điển hình sử dụng nền tảng địa chỉ số.

6. Bưu điện tỉnh Bắc Giang

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản

đồ số của doanh nghiệp; báo cáo kế hoạch với UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông).

- Xây dựng phương án, tổ chức truyền thông về Nền tảng địa chỉ số để chủ địa chỉ, người đang sử dụng, khai thác địa chỉ biết, sử dụng, tạo thói quen sử dụng địa chỉ số trong xã hội.

- Chủ trì, phối hợp doanh nghiệp được giao nhiệm vụ phát triển nền tảng địa chỉ số, doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số để thu thập, cập nhật, sửa đổi, bổ sung thông tin các đối tượng địa chỉ khác để xây dựng các bản đồ số chuyên ngành.

- Định kỳ hằng tháng (trước ngày 20), báo cáo tiến độ thực hiện các chỉ tiêu cơ bản năm 2022 do doanh nghiệp chủ trì thực hiện theo Phụ lục II, Kế hoạch này; gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo theo quy định.

7. UBND huyện, thành phố

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

- Chỉ đạo UBND cấp xã; các thôn, bản, tổ dân phố phối hợp với đơn vị chức năng trong thu thập, cập nhật các trường thông tin và thông báo địa chỉ số, cơ sở dữ liệu địa chỉ số để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Tổ chức tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh cơ sở, trang thông tin điện tử về việc triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số của tỉnh, của địa phương.

- Định kỳ hằng tháng (trước ngày 20) báo cáo tiến độ thực hiện các chỉ tiêu cơ bản năm 2022 do địa phương chủ trì thực hiện theo Phụ lục II, Kế hoạch này; gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện nghiêm túc, đạt các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch. Trong quá trình tổ chức thực hiện có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh đến Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Bưu điện tỉnh Bắc Giang;
- UBND huyện, thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, các phòng, đơn vị;
- + Lưu: VT, KGVX.Cường.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Sơn

Phụ lục I
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ NĂM 2022
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

STT	NỘI DUNG	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh			
1.1	Thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II của Quyết định số 392/QĐ- BTTTT và CSDL địa chỉ số quốc gia (tối thiểu cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II của Quyết định số 392/QĐ-BTTTT)	Bưu điện tỉnh Bắc Giang	UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Tháng 5-6 năm 2022
1.2	Thu thập, bổ sung các trường thông tin nâng cao của địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II của Quyết định số 392/QĐ-BTTTT và CSDL địa chỉ số quốc gia (tối thiểu cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II của Quyết định số 392/QĐ-BTTTT)	UBND cấp huyện	Bưu điện tỉnh Bắc Giang và các đơn vị có liên quan	Tháng 5-9 năm 2022
2	Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số			
2.1	Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số như: tìm kiếm địa chỉ, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ và các dịch vụ địa chỉ số khác.	Bưu điện tỉnh Bắc Giang	Bưu điện Việt Nam, Sở TT&TT và các đơn vị có liên quan	Tháng 5-12 năm 2022
2.2	Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp	Bưu điện tỉnh Bắc Giang	Bưu điện Việt Nam, Sở TT&TT và các đơn vị có liên quan	Tháng 5-12 năm 2022
2.3	Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực như: bản đồ dịch tễ, bản đồ vùng an toàn dịch bệnh, bản đồ du lịch, bản đồ nông sản, bản đồ cột nước cứu hỏa ...	Bưu điện tỉnh Bắc Giang	Bưu điện Việt Nam, Sở TT&TT và các đơn vị có liên quan	Tháng 5-12 năm 2022

STT	NỘI DUNG	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
2.4	Triển khai các dịch vụ ứng dụng nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số khác.	Bưu điện tỉnh Bắc Giang	Bưu điện Việt Nam, Sở TT&TT và các đơn vị có liên quan	Tháng 5-12 năm 2022
3	Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số			
3.1	Thiết kế, trình phê duyệt mẫu Biển địa chỉ số của tỉnh Bắc Giang (trường hợp không dùng mẫu của Bộ Thông tin và Truyền thông).	Sở TT&TT	Bưu điện tỉnh Bắc Giang và các đơn vị có liên quan	Tháng 5-6 năm 2022
3.2	Xây dựng phương án thông báo địa chỉ số cho chủ địa chỉ hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ.	UBND cấp huyện	Sở TT&TT	Tháng 5- 6 năm 2022
3.3	Tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gắn địa chỉ.	UBND cấp huyện	Sở TT&TT	Tháng 5-12 năm 2022
3.4	Thúc đẩy triển khai gắn biển địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II của Quyết định số 392/QĐ-BTTTT vào CSDL địa chỉ số quốc gia (ưu tiên cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II của Quyết định số 392/QĐ-BTTTT).	UBND cấp huyện	Sở TT&TT	Tháng 5-12 năm 2022
4	Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn về Nền tảng địa chỉ số quốc gia và kết quả triển khai Kế hoạch			
4.1	Tổng hợp, cung cấp thông tin tuyên truyền qua các cơ quan báo chí, đài phát thanh truyền hình, trên các phương tiện thông tin	Sở TT&TT	Đài PT&TH tỉnh, Báo Bắc Giang.	Thường xuyên
4.2	Xây dựng, in ấn tài liệu, ấn phẩm, thực hiện các phương thức khác để truyền thông	Sở TT&TT	Các đơn vị thuộc Bộ TT&TT	Thường xuyên
4.3	Tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh cơ sở	UBND cấp huyện	Sở TT&TT	Thường xuyên
4.4	Triển khai tập huấn, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia	Sở TT&TT	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Thường xuyên
5	Thu thập, cập nhật thông tin các đối tượng địa chỉ khác để xây dựng các bản đồ số chuyên ngành	Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	Bưu điện tỉnh Bắc Giang	Thường xuyên

Phụ lục II
BIỂU TỔNG HỢP CHỈ TIÊU VỀ TRIỂN KHAI NỀN TẢNG ĐỊA CHỈ SỐ GẮN VỚI BẢN ĐỒ SỐ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị báo cáo: ...

Tháng ... /2022.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng đạt được trong kỳ báo cáo	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu lũy kế đến kỳ báo cáo (%)	Ghi chú
I	Số lượng đối tượng đã được thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số					
1	Nhà ở cá nhân, hộ gia đình	Hộ gia đình				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
2	Trụ sở cơ quan, tổ chức	Cơ quan				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
3	Các cơ sở dân sinh, kinh tế xã hội	Cơ sở				Chỉ tiêu khuyến khích
4	Các công trình giao thông, xây dựng	Công trình				Chỉ tiêu khuyến khích
5	Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất	Khu đất				Chỉ tiêu khuyến khích
6	Các đối tượng khác					Chỉ tiêu khuyến khích
II	Số lượng chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ số được thông báo thông tin Mã địa chỉ số					
1	Nhà ở cá nhân, hộ gia đình	Hộ gia đình				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng đạt được trong kỳ báo cáo	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu lũy kế đến kỳ báo cáo (%)	Ghi chú
2	Trụ sở cơ quan, tổ chức	Cơ quan				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
3	Các cơ sở dân sinh, kinh tế xã hội	Cơ sở				Chỉ tiêu khuyến khích
4	Các công trình giao thông, xây dựng	Công trình				Chỉ tiêu khuyến khích
5	Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất	Khu đất				Chỉ tiêu khuyến khích
6	Các đối tượng khác					Chỉ tiêu khuyến khích
III	Số lượng đối tượng, công trình được gắn biển địa chỉ số	Biển				Chỉ tiêu khuyến khích
IV	Số ứng dụng Bản đồ số được đưa vào sử dụng	Ứng dụng				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo